TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐST
Ngày: 22-11-2019
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Công Phương Điệp
2. Ông Đinh Việt Anh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Ngọc Châu – Thư ký TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐST-HPT ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Quỳnh N** – sinh năm: 1984; HKTT và trú tại: Số nhà G, hẻm D, phố T, phường B, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

***2. Bị đơn*: Anh Trần Hoài A** – sinh năm: 1980; HKTT: Số nhà A, ngõ B, phố K, phường K, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà G, hẻm D, phố T, phường B, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Quỳnh N và anh Trần Hoài A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng kí kết hôn vào ngày 30/01/2008 tại UBND phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống tại địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, phố K, phường K, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đến tháng 10/2011, anh Hoài A bán nhà nên anh, chị về chung sống tại địa chỉ: Số nhà G, hẻm D, phố T, phường B, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (đây là nhà của bố mẹ chị N) cho đến tháng 03 năm 2019 thì chị N và 02 con chung vẫn sinh sống tại đây, anh Hoài A do nợ nần nên chuyển đi đâu sinh sống thì chị không rõ. Anh Hoài A cũng không báo lại cho gia đình được biết, cũng không thông báo thông tin về nơi cư trú mới cho chính quyền địa phương. Do vậy, chị không biết được hiện anh Hoài A đang sinh sống ở đâu.

Từ khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, anh Hoài A không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập để lo cho gia đình cũng không tu chí làm ăn. Quá trình chung sống anh, chị thường xuyên xảy ra cãi nhau tuy nhiên không xô xát đến mức đánh nhau. Khi anh Hoài A bỏ đi cũng không thông báo nơi cư trú mới cho chị được biết, không quan tâm lo lắng đến gia đình, con cái. Việc chăm sóc con hoàn toàn do một mình chị nên rất mệt mỏi, căng thăng. Mâu thuẫn anh, chị chưa thông báo cho chính quyền địa phương tuy nhiên do ở cùng nhà nên bố mẹ chị N có chứng kiến việc cãi nhau. Mâu thuẫn của anh, chị đã được bố mẹ chị hòa giải nhưng không có kết quả. Phía gia đình anh Hoàng Anh, bố mẹ đẻ là ông Trần Hoài và bà Trần Thu Hậu đều đã chết, có hai chị gái lấy chồng xa chị cũng không rõ địa chỉ. Chị đề nghị Tòa án xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng đối với bà Đào Thu Hường, là mợ ruột của anh Hoài Anh, có địa chỉ tại số 16 ngõ 189, phố Khương Thượng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đây là nơi trước đây anh chị đã từng sinh sống đến năm 2011 mới chuyển về phường Bưởi, quận Tây Hồ .

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai quan tâm đến ai, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoài Anh.

- Về con chung: Chị xác nhận quá trình chung sống, anh, chị có 02 con chung là Trần Lê M – sinh ngày 18/9/2008 và Trần Lê H – sinh ngày 13/4/2012.

Chỉ có chị N quan tâm đến việc học tập, chăm sóc cho các cháu; anh Hoài A bỏ đi từ tháng 03 năm 2019, không hề quan tâm, chăm sóc đến các cháu.

Hiện chị N đang làm nhân viên văn phòng tại Công ty TNHH Đ với mức thu nhập khoảng 12 triệu/tháng. Công việc của chị làm giờ hành chính, thỉnh thoảng mới phải đi công tác. Do vậy, chị đảm bảo được việc nuôi dậy các cháu và bố mẹ chị N cũng hỗ trợ chăm sóc các cháu. Chị cùng hai con đang sinh sống tại nhà của bố mẹ chị, địa chỉ: Số nhà G, hẻm D, phố T, phường B, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Chị đề nghị Tòa án giải quyết được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 cháu; không yêu cầu anh Hoài A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nhà đất chung, công nợ: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và nơi đăng kí HKTT để triệu tập anh Trần Hoài A đến Tòa án làm việc nhưng anh Hoài A vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc ở Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình và không bổ sung thêm ý kiến, tài liệu nào khác; bị đơn vắng mặt nên không trình bày được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn còn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Quỳnh N . Chị Trương Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trần Hoài Anh.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Lê M – sinh ngày 18/9/2008 và Trần Lê H – sinh ngày 13/4/2012. Căn cứ ý kiến trình bày của bên đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX giao hai cháu cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hoài A cho đến khi chị N yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Hoài A có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà đất, và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Trương Thị Quỳnh N có đơn xin ly hôn với anh Trần Hoài Anh. HĐXX xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh Hoài A do chị N (có xác nhận của Công an phường Bưởi) giao nộp cho Tòa án cùng đơn khởi kiện, anh Hoài A trú tại địa chỉ: Số nhà 27G, hẻm 460/7/42, phố Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội đến đầu năm 2019 thì đi khỏi địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Công an phường Bưởi, Công an phường Khương Thượng, đại diện gia đình của anh Hoài A và được xác nhận nội dung như sau: anh Hoài A có đăng kí HKTT tại địa chỉ: Số nhà 16, ngõ 189, phố Khương Thượng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và cư trú tại địa chỉ: Số nhà 27G, hẻm 460/7/42, đường Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội cho đến tháng 3/2019 thì bỏ đi nơi khác, không còn sinh sống tại địa phương; hiện anh Hoài A đang ở đâu, Công an phường và gia đình đều không nắm rõ và không được anh Hoài A thông báo lại.

Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của chị Trương Thị Quỳnh N là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Toà án đã tiến hành thông báo hợp lệ cho bị đơn về các lần mở phiên toà xét xử vụ án. Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, anh Hoài A tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, sau khi nghị bàn, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Hoài A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng kí kết hôn vào ngày 30/01/2008 tại UBND phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Nguyên nhân chủ yếu vì lý do kinh tế, anh Hoài A không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập để lo cho gia đình cũng không tu chí làm ăn. Kết quả xác minh tại địa phương và ý kiến đại diện gia đình cũng thể hiện mâu thuẫn của anh chị là có thật. Gia đình tuy không trình báo nhưng có trao đổi với tổ dân phố, chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống về tình trạng hôn nhân. Gia đình chị N có chứng kiến anh, chị cãi nhau đồng thời đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; bà Đào Thu Hường, là mợ ruột của anh Hoài A cho biết, anh Hoài A hay đi làm ăn xa, không sinh sống và chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con.

Kể từ thời điểm ly thân cũng như sau khi chị N khởi kiện xin ly hôn ra Tòa án, mặc dù đã được Toà án thông báo việc chị N có đơn xin ly hôn, anh Hoài A có về hỏi tình hình thông qua bà Đào Thu Hường nhưng không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị N , cũng không lên Tòa án làm việc. Điều này thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng. Nay thời gian anh chị sống ly thân cũng đã lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc hòa giải không thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chị N có yêu cầu xin ly hôn đối với anh Hoài A là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị N và anh Hoài A có 02 (hai) con chung là Trần Lê M – sinh ngày 18/9/2008 và Trần Lê H – sinh ngày 13/4/2012. Tại phiên tòa hôm nay, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu. HĐXX nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được thì chị N đang chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu tại địa chỉ: Số nhà 27G, hẻm 460/7/42, phố Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; chị N cũng là người trực tiếp nộp học phí, quan tâm vấn đề học tập ở trường, lớp cho hai con; thu nhập của chị N hàng tháng khoảng 12 triệu/tháng, công việc làm giờ hành chính cũng đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Gia đình chị N cũng đồng ý cho chị N và hai cháu sinh sống tại địa chỉ: Số nhà 27G, hẻm 460/7/42, phố Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội và sẽ hỗ trợ chị về mặt kinh tế và chăm sóc các cháu. Về

phía bị đơn, anh Hoài A không trực tiếp chăm sóc các cháu, cũng không thể hiện sự quan tâm đến các cháu, không đến Tòa án để thể hiện quan điểm và giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho điều kiện nuôi con; gia đình anh Hoài A cũng có ý kiến anh làm ăn xa, không sinh sống cùng gia đình cũng không dành thời gian cho các cháu.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các cháu, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giao con cho ai nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho điều kiện phát triển, học tập của các cháu, HĐXX có cơ sở để giao cháu Minh và cháu Hiếu cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Hoài A cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với anh Hoài A cho đến khi chị N yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Hoài A có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở

- Về tài sản, nhà đất chung, công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Quỳnh N . Chị N được ly hôn với anh Trần Hoài Anh.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Trần Lê M – sinh ngày 18/9/2008 và Trần Lê H – sinh ngày 13/4/2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hoài A cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Hoài A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3586 ngày 08/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- UBND phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội (ĐKKH số 12; quyển 01/2008)
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp